

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Vinh.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P - Luật sư của Văn phòng luật sư Vinh Phú thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 04/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Minh H chung sống từ năm 2010, do quen biết trước,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 31/12/2010. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống; anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được nên từ tháng 5/2020 thì vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh A, sinh ngày 19/01/2016, hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Huỳnh Minh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xin vắng mặt, có gửi Tờ trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý chí của đương sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện sống với mẹ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Minh H có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền

Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Huỳnh Minh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc H và anh Huỳnh Minh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 31/12/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị H và anh H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Theo Biên bản xác minh ngày 30/6/2020 (BL: 26) của Tòa án thì chính quyền địa phương nơi chị H, anh H cư trú không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và bản sao tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho anh H. Nội dung Thông báo thụ lý vụ án có nêu rõ yêu cầu được ly hôn và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H nhưng anh H không thể hiện ý kiến của mình. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H cũng không tham dự, điều đó chứng tỏ anh H không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, giữa chị H và anh H không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Ngọc H và anh Huỳnh Minh H có 01 con chung chưa thành niên tên Huỳnh Ngọc Khánh A. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*.

Do anh H vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị H về người trực tiếp nuôi con chung. Thấy rằng, cháu A hiện đang sống chung với chị H; để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh H có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện về vật chất để cháu A được chăm sóc tốt hơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A hàng tháng; mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà

nước quy định; thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Huỳnh Minh H.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Khánh A, sinh ngày 19/01/2016 cho chị Lê Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Ngọc Khánh A hàng tháng; mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm giải quyết tương đương 745.000 đồng/tháng); thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Huỳnh Minh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí:

Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016551 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị H đã nộp xong án phí.

Anh Huỳnh Minh H phải nộp tiền án cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Lê Thị Ngọc H và anh Huỳnh Minh H được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú